

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 21/01/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung,
cấp dưỡng, chia tài sản chung, nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 12 năm 2021 và ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng, chia tài sản chung, nợ chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 219/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Huỳnh Thanh T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2020);

Địa chỉ: đường L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Đặng Thị Thu T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Nguyễn Minh Hoàng H1, sinh năm 1972 (theo Văn bản ủy quyền ngày 24/02/2020);

Địa chỉ: khu phố B, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T2, Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T2, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Văn T3, sinh năm 1947;

2. Huỳnh Thị H2, sinh năm 1951;

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Trần Thị T4, sinh năm 1952;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Đặng Kim T5, sinh năm 1974;

HKTT: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã Phạm Văn C, huyện C, TP. Hồ Chí Minh.

5. Ngân hàng TMCP phát triển T6;

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Quốc T7 - Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Nguyễn Bảo H3 - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Ngân hàng TMCP phát triển T6 (theo Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2020);

Ủy quyền lại cho: Dương Thị Phương L, chức vụ: nhân viên (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2020);

Địa chỉ: đường N, phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đặng Thị Thu T1.

Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Minh Hoàng H1, Luật sư Nguyễn Văn T2 có mặt; Huỳnh Thị H2, Huỳnh Văn T3, Trần Thị T4, Đặng Kim T5, Dương Thị Phương L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh T và chị T1 tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới nhau được một thời gian, do kinh tế khó khăn nên anh T và chị T1 đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Khoảng năm 2005, anh T về lại nhà cha mẹ ruột sinh sống để phụ cha mẹ nấu ăn (làm thuê cho cha mẹ), chị T1 và anh T có cất căn nhà tạm trên đất gia đình chị T1 để chị T1 ở. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T1 có tình cảm với người khác. Đến giữa năm 2019 thì anh T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 02 con chung Huỳnh Trung T8, sinh ngày 01/04/2004 và Huỳnh Tấn P, sinh ngày 12/10/2007. Hiện đang sinh sống với chị T1. Anh T đồng ý giao cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu.

Về nợ chung: Nợ cha mẹ anh T 2.500.000.000 đồng, anh T đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H2, ông T3.

Về tài sản:

- Hai phần đất huyện C và 01 căn nhà ở huyện C do anh T mượn tiền của cha mẹ ruột mua (mượn toàn bộ số tiền để mua, thửa 562 giá mua 1.300.000.000 đồng, 100m² đất và căn nhà giá mua 1.200.000.000 đồng).

- Các thửa đất 936, 810, 948, 980, 2208 đây là tài sản của cha mẹ anh T do mẹ anh T đi giao dịch và nhờ anh T đứng tên dùm.

- Đối với căn nhà trên thửa đất của cha mẹ anh T là nguồn tiền do mẹ anh T trúng số nhờ anh T đi lãnh và đứng tên tài khoản. Sau đó, rút tiền và chuyển khoản trả lại cha mẹ.

- Nay đối với yêu cầu chia tài sản của chị T1, anh T không đồng ý vì đất và căn nhà ở Long Định là của cha mẹ anh T nên anh T không có quyền. Đối với 02 phần đất và căn nhà ở Hồ Chí Minh thì anh T đồng ý chia đôi, đồng ý cho chị T1 lựa chọn. Nếu tự nguyện thỏa thuận như trên thì anh T đồng ý nhận trả các khoản nợ của cha mẹ.

- Anh T yêu cầu chia tài sản chung là: 01 xe SH mode; 01 căn nhà ở ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đối với khoản tiền tiết kiệm tại Ngân hàng N – Chi nhánh M và tại Ngân hàng N – Phòng giao dịch L là nguồn tiền của bà H2 kinh doanh, tiền trúng số 02 vé độc đắc, tiền bán đất ở xã T được 4.000.000.000 đồng. Do lớn tuổi, đi lại khó khăn nên bà H2 và ông T3 giao cho anh T đứng tên tài khoản. Đến nay toàn bộ số tiền này anh T đã rút theo yêu cầu của bà H2, đã giao cho bà H2 nên không còn nữa.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Nguyễn Minh Hoàng H1 trình bày:*

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của anh T về thời điểm kết hôn và con chung nhưng mâu thuẫn là không đúng. Năm 2001 chị T1 và anh T có tổ chức lễ cưới và năm 2002 có đăng ký kết hôn, sau đó về sống cùng cha mẹ chồng. Đến năm 2004 do kinh tế khó khăn (nuôi con nhỏ, không có việc làm) nên vợ chồng đã về huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để ở nhờ trên nhà của anh ruột tên Đặng Kim T5, đến năm 2007 thì về lại nhà cha mẹ ruột anh T để sống cùng và phụ công việc nhà, thời điểm này do 02 con còn nhỏ nên trực tiếp lo cho con cái và phụ nấu nướng, làm việc nhà (cha mẹ chồng kinh doanh nấu đám tiệc), lúc này anh T cũng làm chung cha mẹ. Năm 2008 để tạo điều kiện cho con đi học nên chị T1 xin về nhà cha mẹ ruột cất 01 căn nhà ở tạm trên nhà cha mẹ, anh T ban ngày thì đi làm, tối thì về ở cùng chị T1 và có mang thức ăn về làm, khi có việc nhiều chị T1 cũng về phụ cha mẹ kinh doanh. Khoảng năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cha mẹ chồng và chồng cho rằng chị T1 lấy tiền nuôi trai, dẫn

đến cự cãi. Năm 2019 thì anh T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ly thân cho đến nay. Trong năm 2019 vợ chồng có tự nguyện làm đơn thuận tình ly hôn nộp cho Tòa án, nhưng do muốn giữ quan hệ vợ chồng nên chị T1 rút đơn. Nay chị T1 đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T1 thống nhất có 02 con chung như anh T trình bày. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị yêu cầu cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Tài sản chung gồm:

- Thừa đất số 562, tờ bản đồ số 50, diện tích 392,2m² đất trồng cây hàng năm khác tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do anh T đại diện đứng tên quyền sử dụng đất.

- Diện tích khoảng 100m², địa chỉ đường P thuộc ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, và căn nhà (vách tường, mái tôn) nằm trên diện tích đất 100m² do chị T1 và anh T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích 7.000m² đất ruộng thuộc các thửa 936, 810, 948, 980, 2208 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Số tiền 7.000.000.000 đồng cùng đóng góp với ông Huỳnh Văn T3 và bà Huỳnh Thị H2 để xây căn biệt thự trên phần đất do ông Huỳnh Văn T3 đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng cùng góp ½ là 3.500.000.000 đồng.

- Về nguồn gốc tài sản chung: Thừa đất 562 vợ chồng mua của anh Tuấn, hai vợ chồng cùng trực tiếp giao tiền. Căn nhà và diện tích khoảng 100m² do vợ chồng cùng đi mua, cùng trực tiếp giao dịch, giao tiền với chủ đất cũ và đứng tên chung. Các thửa đất thuộc thửa 936, 810, 948, 980, 2208 do anh T thay mặt đi giao dịch với các chủ đất và đứng tên quyền sử dụng đất. Vợ chồng cùng góp ½ là 3.500.000.000 đồng là nguồn tiền của vợ chồng do anh T đứng tên gửi tại Ngân hàng N – Phòng giao dịch L. Sau đó gửi tại Chi nhánh M và trong năm 2017 anh T đã rút ra để chuyển qua cho ông Huỳnh Văn T3 số tiền 4.500.000.000 đồng. Đối với nguồn gốc các tài sản phát sinh là do vợ chồng cùng kinh doanh nấu ăn chung với cha mẹ chồng, thu nhập mỗi tháng khoảng 100.000.000 đồng. Thực tế anh T không phải làm công mà trực tiếp kinh doanh, quản lý nguồn tiền đó. Về nguồn tiền trúng số là có sau khi đang cất nhà khoảng 02 tháng (đã lên phần móng). Nguồn gốc toàn bộ các tài sản chung là do vợ chồng cùng sinh sống tạo lập ra, gia đình người thân không có cho. Nay chị T1 yêu cầu chia đôi tài sản trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Huỳnh Thị H2 và ông Huỳnh Văn T3 trình bày:*

Thống nhất ý kiến của anh T và đại diện của anh T. Trước đây vợ chồng ông T3, bà H2 có cho con ruột là anh T mượn 2.800.000.000 đồng để mua 02

phần đất và căn nhà ở huyện C đến nay chưa trả. Đối với các phần đất ở Long Định do già yếu nên có đứng ra mua và nhờ anh T đứng tên dùm. Căn nhà ông T3, bà H2 xây cất từ nguồn tiền tích lũy và trúng số. Do đó, không đồng ý yêu cầu của bị đơn.

Việc kinh doanh nấu đảm là do ông T3, bà H2 trực tiếp kinh doanh, anh T chỉ phụ làm thuê, do người thân nên trả thu nhập mỗi tháng từ 10.000.000 đồng – 15.000.000 đồng tùy theo lợi nhuận. Việc anh T có cho chị T1 như thế nào ông T3, bà H2 không biết.

Nay xin rút các yêu cầu độc lập gồm: yêu cầu công nhận quyền sử dụng các thửa đất 980, 948, 810, 963, 2208; yêu cầu anh T sang tên thửa đất; yêu cầu anh T và chị T1 trả khoản nợ 2.800.000.000 đồng. Việc sang tên thửa đất do ông T3, bà H2 và anh T tự thực hiện.

** Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T6 trình bày:*

Đề nghị Tòa đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng đối với phần đất mà ông T3 thế chấp ngân hàng.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 219/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 33, 34, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T về yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung là 01 xe SH mode, biển số 63B3-875.10.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T về yêu cầu chia tài sản 01 căn nhà diện tích 69,09m². Kết cấu: Cột bê tông cốt thép, vách tường tô 2 mặt, nền gạch men, mái tôn tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị Đặng Thị Thu T1 về chia tài sản chung là thửa đất 562, 568 và 01 căn nhà cấp 4, 01 tầng trên thửa đất 568.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị Đặng Thị Thu T1 về chia tài sản là thửa đất 980, 948, 810, 936, 2208 tọa lạc tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; 01 căn nhà trên thửa đất 935, 936 có diện tích 343,75m² (tầng trệt 173,48m², lầu 1 170,27m²). Kết cấu: Nhà dạng biệt thự, khung cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái ngói.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 và ông Huỳnh Văn T3 về yêu cầu công nhận quyền sử dụng các thửa đất 980, 948, 810, 963, 2208; yêu cầu anh T sang tên thửa đất và yêu cầu chị T1 trả khoản nợ 2.800.000.000 đồng.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T. Anh Huỳnh Thanh T được ly hôn với chị Đặng Thị Thu T1.

2. Về con chung: Giao cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Trung T8, sinh ngày 01/04/2004 và Huỳnh Tấn P, sinh ngày 12/10/2007.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu cháu T8, cháu P tròn 18 tuổi.

4. Về tài sản chung:

- Xác định tài sản chung vợ chồng của anh T và chị T1 là: 392,2m² đất cây hàng năm khác, thuộc thửa số 562, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04509 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2017 đứng tên Bùi Minh T9 (đã được thay đổi tên người sử dụng là Huỳnh Thanh T); 01 căn nhà cấp 4, 01 tầng diện tích 93,6m² (4,23m x 22,13m) trên thửa đất 568, kết cấu: móng cột bê tông, cốt thép, nền gạch cimaric 40x40(cm), tường xây gạch, sơn nước, mái tôn; 106 m² đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 568, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại ấp B, xã Phạm Văn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01107 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2013 đứng tên Phan Văn T10 (đã được thay đổi chuyển nhượng cho Huỳnh Thanh T); 01 xe SH mode, biển số 63B3-875.10.

- Chia cho chị Đặng Thị Thu T1: 392,2m² đất cây hàng năm khác, thuộc thửa số 562, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04509 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2017 đứng tên Bùi Minh T9 (đã được thay đổi tên người sử dụng là Huỳnh Thanh T). Phần đất có tứ cận là:

- + Đông giáp đường Ba Lãng;
- + Tây giáp thửa đất 41;
- + Nam giáp thửa đất 49;
- + Bắc giáp thửa đất 561.

(có sơ đồ kèm theo)

- Chia cho anh Huỳnh Thanh T: 01 căn nhà cấp 4, 01 tầng diện tích 93,6m² (4,23m x 22,13m) trên thửa đất 568, kết cấu: móng cột bê tông, cốt thép, nền gạch cimaric 40x40(cm), tường xây gạch, sơn nước, mái tôn; 106 m² đất ở tại nông thôn, thuộc thửa số 568, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại đường liên xã Phước Vĩnh An – Phạm Văn Cội, xã Phạm Văn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01107 do Ủy ban nhân dân huyện C,

Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/10/2013 đứng tên Phan Văn T10 (đã được thay đổi chuyển nhượng cho Huỳnh Thanh T). Phần đất có tứ cận là:

- + Đông giáp đường Phạm Văn Cội;
- + Tây giáp thửa đất 26-1;
- + Nam giáp thửa đất 567;
- + Bắc giáp thửa đất 569.

(có sơ đồ kèm theo)

- Giao cho chị T1 được quyền sở hữu 01 xe SH mode, biển số 63B3-875.10. Buộc chị T1 hoàn lại anh T $\frac{1}{2}$ giá trị xe SH mode là 17.500.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 19/4/2021, bị đơn chị Đặng Thị Thu T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, cụ thể chia cho chị các tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh T, do anh T đứng tên gồm:

- Đất: $\frac{1}{2}$ tổng diện tích của thửa đất số 936, 980, 948, 810, 2208;
- Tiền: Chia $\frac{1}{2}$ số tiền 3.500.000.000 đồng đã hùn cất nhà với ông T3, bà H2, mỗi người 1.750.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Về mặt pháp lý, anh Huỳnh Thanh T là người đứng tên các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân, theo Luật Hôn nhân và gia đình thì lao động của chị Đặng Thị Thu T1 được xem là lao động có thu nhập. Mặt khác, lời khai của ông Nguyễn Văn Hòa tại giai đoạn phúc thẩm trái ngược nội dung biên nhận tiền đã viết trước đây; những người giúp việc kinh doanh nấu ăn, người bán đất cũng như các biên nhận tiền không phù hợp thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 33, 38, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Thu T1, chia $\frac{1}{2}$ số tài sản cho chị Đặng Thị Thu T1.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của chị Đặng Thị Thu T1 và thực hiện thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị H2, ông Huỳnh Văn T3 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Trần Thị T4, anh Đặng Kim T5, đại diện hợp pháp Ngân hàng TMCP phát triển T6 vắng mặt, tuy không kháng cáo nhưng không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Anh Huỳnh Thanh T và chị Đặng Thị Thu T1 tự nguyện kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 30/7/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và đã có 02 người con chung; năm 2017 phát sinh mâu thuẫn và hai bên sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay; tháng 02/2020 anh Huỳnh Thanh T khởi kiện xin ly hôn; khởi tài sản yêu cầu Tòa án giải quyết chia khi ly hôn, trong đó có quyền sử dụng các thửa đất và tài sản gắn liền với đất sau:

- Thửa số 980, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.959m², loại đất chuyên trồng lúa nước (gọi là thửa đất số 980) tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01656 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/8/2013, đứng tên Huỳnh Thanh T;

- Thửa số 948, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.450m², loại đất chuyên trồng lúa nước (gọi là thửa đất số 948) tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01657 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/8/2013, đứng tên Huỳnh Thanh T;

- Thửa số 810, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.755m², loại đất chuyên trồng lúa nước (gọi là thửa đất số 810) tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01658 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/8/2013, đứng tên Huỳnh Thanh T;

- Thửa số 936, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.258m², loại đất cây lâu năm (gọi là thửa đất số 936) tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00941 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/12/2011, đứng tên Huỳnh Thanh T;

- Thửa số 2208, tờ bản đồ số 04, diện tích 321,2m², loại đất cây lâu năm (gọi là thửa đất số 2208) tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00940 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/12/2011, đứng tên Huỳnh Thanh T;

- 01 căn nhà trên hai thửa đất số 935, 936 có diện tích 343,75m² (tầng trệt có diện tích 173,48m², lầu 1 có diện tích 170,27m²). Kết cấu: nhà dạng biệt thự, khung cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái ngói.

Nguồn gốc các thửa đất số 936, 2208 do nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn U vào năm 2011; các thửa đất số 980, 948, 810 do nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N vào năm 2013. Theo biên bản ghi lời khai ngày 18/11/2020 và ngày 24/11/2020, ông Bùi Văn U và bà Nguyễn Thị N đều xác nhận các thửa đất này chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị H2 và ông Huỳnh Văn T3 (cha, mẹ của anh Huỳnh Thanh T), bà Huỳnh Thị H2 là người trực tiếp giao dịch và trả tiền chuyển nhượng, các bên thỏa thuận để cho anh Huỳnh Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất. Theo biên nhận tiền lập ngày 15/11/2011, hợp đồng chuyển nhượng do các bên xác lập năm 2011 và 2013 thể hiện bà Huỳnh Thị H2 là người đứng ra trực tiếp giao dịch chuyển nhượng và trả tiền chuyển nhượng các thửa đất trên.

Đối với căn nhà trên hai thửa đất số 935, 936 các bên đương sự thống nhất giá trị là 7.000.000.000 đồng (thửa đất số 935 không tranh chấp, do ông Huỳnh Văn T3 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển T6 – Chi nhánh Tiền Giang), theo lời trình bày của bà Huỳnh Thị H2, ông Huỳnh Văn T3, anh Huỳnh Thanh T thì căn nhà trên là của bà Huỳnh Thị H2 và ông Huỳnh Văn T3 xây dựng khoảng năm 2018 – 2019, tại thời điểm xây dựng thì bà H2 có trúng 2 tờ vé số độc đắc nên có yêu cầu chủ thầu xây dựng kiên cố hơn. Lời trình bày này đã được chủ thầu xây dựng là ông Trần Thành V xác nhận tại bản khai ngày 18/11/2020, cai thầu xây dựng là anh Nguyễn Huỳnh T11 xác nhận tại bản khai ngày 19/11/2020; cả hai cũng xác nhận việc thuê xây dựng, thanh toán tiền là từ bà H2, suốt quá trình xây dựng nhà từ khi khởi công đến khi hoàn thành thì chị Đặng Thị Thu T1 không có mặt.

Chị Đặng Thị Thu T1 cho rằng vợ chồng chị có 3.500.000.000 đồng, thể hiện ở việc anh Huỳnh Thanh T có đứng tên tài khoản tại Ngân hàng N – Phòng giao dịch L và Ngân hàng N – Chi nhánh M. Theo kết quả thu thập chứng cứ cho thấy từ thời điểm tháng 10/2015 đến tháng 6/2018, anh Huỳnh Thanh T có đứng tên gửi và rút tiền nhiên lần tại hai ngân hàng trên với số tiền giao dịch từ 1.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng. Anh Huỳnh Thanh T xác nhận số tiền đó là của cha mẹ nhờ anh đứng tên dùm có nguồn gốc trúng số giải đặc biệt và bán đất. Chị Đặng Thị Thu T1 cũng xác định bà Huỳnh Thị H2 có trúng số đặc biệt 02 tờ vé số vào thời điểm đang xây dựng nhà và có bán đất được trên 3.000.000.000 đồng.

Chị Đặng Thị Thu T1 cho rằng các khoản tiền mua đất, cất nhà là do anh Huỳnh Thanh T là người trực tiếp kinh doanh (không phải làm thuê) với mức lợi nhuận khoảng 100.000.000 đồng/tháng. Theo biên bản hòa giải ngày 29/4/2020, chị Đặng Thị Thu T1 trình bày: *“Năm 2004 do kinh tế khó khăn (nuôi con nhỏ, không có việc làm) nên vợ chồng đã về huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để ở nhờ trên nhà của anh ruột tên Đặng Kim T5. Đến năm 2007 thì về lại nhà cha mẹ ruột anh T để sống cùng và phụ công việc nhà, thời điểm này do 02 con còn nhỏ nên trực tiếp lo cho con cái và phụ nấu nướng, làm việc nhà (cha mẹ chồng kinh doanh nấu đám tiệc), lúc này anh T cũng làm chung cha mẹ. Năm 2008 để tạo điều kiện cho con đi học nên chị T1 xin về nhà cha mẹ ruột cất 01 căn nhà ở tạm trên nhà cha mẹ, anh T ban ngày thì đi làm, tối thì về ở cùng chị T1”*. Lời khai này của chị Đặng Thị Thu T1 cho thấy hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng chị vào thời điểm đó rất khó khăn, vợ chồng phải nuôi hai con còn nhỏ, anh Huỳnh Thanh T là lao động chính và thu nhập chủ yếu từ việc phụ giúp việc kinh doanh của bà Huỳnh Thị H2. Ngoài ra, theo những người làm chứng là những người làm công cho bà Huỳnh Thị H2 khai nhận, bà Huỳnh Thị H2 là người kinh doanh nấu ăn từ lâu đời, là người trực tiếp quản lý điều hành công việc, anh Huỳnh Thanh T chỉ là người giúp việc cho bà Huỳnh Thị H2. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 29/4/2020 chị Đặng Thị Thu T1 còn cho rằng: *“Năm 2008 để tạo điều kiện cho con đi học nên chị T1 xin về nhà cha mẹ ruột cất 01 căn nhà ở tạm trên nhà cha mẹ. Khoảng năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cha mẹ chồng và chồng cho rằng chị T1 lấy tiền nuôi trai, dẫn đến cự cãi”*. Điều đó cho thấy vợ chồng chị Đặng Thị Thu T1 và anh Huỳnh Thanh T không thể có khoản tiền lớn để mua các thửa đất và góp chung cùng bỏ ra khoản tiền lớn để cất nhà cho cha mẹ chồng.

Ngoài ra, chị Đặng Thị Thu T1 tranh chấp khối tài sản có giá trị rất lớn, nhưng tại đơn thuận tình ly hôn ngày 08/11/2019 (vụ án đã đình chỉ), cả hai đều xác định vợ chồng không có tài sản chung. Từ đó cho thấy, chị Đặng Thị Thu T1 đã nhận thức rõ nguồn gốc các tài sản tranh chấp không phải do vợ chồng tạo lập ra, nên mới ký đơn xác định không có tài sản chung.

Trong giai đoạn phúc thẩm, chị Đặng Thị Thu T1 cung cấp biên nhận do ông Nguyễn Văn Hòa đại diện cho bà Nguyễn Thị N nhận tiền bán đất do anh Huỳnh Thanh T trả, tuy nhiên tại bản khai ngày 15/01/2022 ông Nguyễn Văn Hòa xác định anh Huỳnh Thanh T chở bà Huỳnh Thị H2 đến giao dịch mua đất của bà Nguyễn Thị N và ông có viết biên nhận nhưng bà Huỳnh Thị H2 không mang theo tiền nên ông không có nhận tiền. Như vậy, ông Nguyễn Văn Hòa cũng thừa nhận bà Huỳnh Thị H2 mua đất của bà Nguyễn Thị N. Ngoài ra, chị Đặng Thị Thu T1 không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh phản bác nội dung bản án sơ thẩm.

Như phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các thửa đất số 810, 936, 948, 980, 2208 và căn nhà gắn liền với đất không phải là tài sản chung của chị Đặng Thị Thu T1 và anh Huỳnh Thanh T là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Thu T1.

[3]. Xét ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ pháp luật, trái với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục về án phí, lệ phí tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), chị Đặng Thị Thu T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Thu T1.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 219/2021/HNGĐ-ST ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về chia tài sản chung.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chị Đặng Thị Thu T1 về chia tài sản là thửa đất số 810, 936, 948, 980, 2208 tại ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang; 01 căn nhà gắn liền với các thửa đất số 935, 936 có diện tích 343,75m² (tầng trệt có diện tích 173,48m², lầu 1 có diện tích 170,27m²). Kết cấu: Nhà dạng biệt thự, khung cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái ngói.

3. Án phí: Chị Đặng Thị Thu T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Đặng Thị Thu T1 đã nộp theo biên lai thu số 0004223 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nộp án phí.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy